

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 01/2021/HNGĐ - ST

Ngày 29/01/2021

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc T, ông Đinh Duy Q.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị H – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1970.

Bị đơn: Ông Lương Văn V, sinh năm 1969.

Đều có địa chỉ: Xóm Mai Sơn 3, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bà H có mặt và ông V vắng mặt – có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày: Tôi và ông Lương Văn V có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới tôi và ông V chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, sau đó đến năm 2000 phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau gây mất đoàn kết trong gia đình. Cả hai đã cố gắng để hòa giải hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên từ năm 2011 đến nay chúng tôi đã sống ly thân hoàn toàn, hai vợ chồng không liên lạc hay gặp gỡ gì hết. Hiện nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lương Văn V.

Về con chung: Bà H trình bày vợ chồng có hai con chung. Con lớn tên là Lương Thị L, sinh ngày 09/8/1992; con thứ hai tên là Lương Đức H, sinh ngày 25/11/1993. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự tạo lập được cuộc sống riêng nên bà H không có yêu cầu gì về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, công nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông V không lên Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại bản tự khai ngày 19/11/2020, ông V thừa nhận việc kết hôn đúng như bà H đã trình bày nêu trên. Ông V có ý kiến sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian đầu. Đến năm 2000 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau. Ông V thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay là đúng. Ông V cũng xác định không còn tình cảm với bà H nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung, ông V cũng xác định vợ chồng có hai con chung. Con lớn tên là Lương Thị L sinh năm 1992; con thứ hai tên là Lương Đức H, sinh năm 1993. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng tự lập, có gia đình riêng nên ông V cũng không có yêu cầu gì về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông V cũng xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lương Văn V có địa chỉ: Xóm Mai Sơn 3, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của bà Đinh Thị H và ông Lương Văn V là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của hai bên là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Thực tế năm 2011 đến nay vợ chồng bà H, ông V đã sống ly thân hoàn toàn. Bản thân ông V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng bà Đinh Thị H và ông Lương Văn V đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị H, xử cho bà H được ly hôn ông Lương Văn V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của hai bên là thống nhất nên Tòa án xác định vợ chồng bà H, ông V có hai con chung. Con lớn tên là Lương Thị L, sinh ngày 09/8/1992; con thứ hai tên là Lương Đức H, sinh ngày: 25/11/1993. Hiện nay các

con chung đều đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự tạo lập được cuộc sống riêng. Các bên đương sự không có yêu cầu đề nghị gì vì vậy Tòa án cũng không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Bà H và ông V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên vấn đề này Tòa không xét.

[5] Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chi án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Đinh Thị H được ly hôn vắng mặt ông Lương Văn V.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000163 ngày 05/11/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

NGUYỄN HỮU Q